

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2020/HS-ST

Ngày : 23/12/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Đức Thụ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa - Giáo viên hưu trí

Ông Nguyễn Việt Dũng - Cán bộ Trung tâm văn hóa quận Tân Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:**

Bà Đặng Tố Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 162/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Ngô Chí N, sinh ngày 10/6/2003 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: phường C, quận D, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương P (chết) và bà: Ngô Thị H, sinh năm 1975; nhân thân: Bản án số 24/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 Tòa án nhân dân Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 09/10/2019. Có mặt.

2. Liễu Hà Hỷ N1, sinh ngày 19/5/2000 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Phường A1, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Hưng N, sinh năm: không rõ và bà: Liễu Thúy P, sinh năm 1965; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 05/3/2020. Có mặt.

3. Châu Trần T, sinh ngày 01/8/1999 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: phường C, quận D, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Châu Cẩm P, sinh năm 1972 và bà: Tăng Thị Thu H, sinh năm 1976; vợ,

con: không có; nhân thân: Bản án số 06/2019/HS-ST ngày 09/01/2019 Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ ngày 08/10/2017, trả tự do ngày 11/10/2017, bị bắt, tạm giam lại: 11/7/2018. Có mặt.

4. Nguyễn Hữu P, sinh năm 1995 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: phường C, quận D, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Phước L, sinh năm 1972 và bà: Lê Thanh T, sinh năm 1972; vợ, con: không có; nhân thân: Bản án số 24/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 Tòa án nhân dân Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 09/10/2019. Có mặt.

5. Võ Thành K, sinh năm 1987 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: phường E, quận F, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: phụ bán vải; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Thành D, sinh năm 1957 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; có vợ: Nguyễn Thùy D, sinh năm 1990 và 02 con: lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2012; nhân thân: Bản án số 692/HSST ngày 07/5/2004 Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản”, Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện 24 tháng; tiền án: Bản án số 34/2017/HSST ngày 20/4/2017 Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 02/11/2019; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 05/3/2020. Có mặt.

*- Bị hại:*

1. Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1979, nơi cư trú: Phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

2. Anh Đoàn Quang T, sinh năm 1994, nơi cư trú: Phường A1, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987, nơi cư trú: phường C1, quận D, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

*- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Ngô Chí N:* Bà Ngô Thị H, sinh năm 1975, là mẹ của bị cáo, nơi cư trú: phường C, quận D, Tp. Hồ Chí Minh. Có mặt.

*- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Liễu Hà Hỷ N1:* Bà Liễu Thúy P, sinh năm 1965, là mẹ của bị cáo, nơi cư trú: Phường A1, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Có mặt.

*- Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Ông Lê Văn T - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV X thuộc Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Bích T - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV X thuộc Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Trương Hoàng Thanh T1, sinh năm 1990, nơi cư trú: phường G1, quận H, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 2000, nơi cư trú: phường C, quận D, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Em Liễu Hà Hỷ H, sinh ngày 23/5/2003, nơi cư trú: Phường A1, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 00 phút ngày 15/9/2019, Ngô Chí N điều khiển xe máy biển số 59S2-344.91 đến nhà trọ số 80/21 đường X, phường C, quận D gặp Liễu Hà Hỷ N1, Võ Thành K tại lầu 1 rủ nhau đi ăn sáng. Khi cả ba đi xuống tầng trệt, N nảy sinh ý định cướp giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài nên hỏi N1, K “đi làm không?” (nghĩa là đi cướp giật tài sản). Do đã từng cướp giật tài sản nên N1, K hiểu và đồng ý. N điều khiển xe gắn máy biển số 59S2-344.91 chở Nguyên để trực tiếp giật tài sản, K điều khiển xe máy biển số 51M2-0023 chạy phía sau làm nhiệm vụ cản địa. Cả ba điều khiển xe chạy qua nhiều tuyến đường tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đến đường Y, Phường A2, quận B, N nhìn thấy chị Đỗ Thị P ngồi ăn tại vỉa hè trước địa chỉ số 177 đường Y, trên tay sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus. N hỏi N1 và K “Bà đó kìa, làm luôn không?” N1 nói “Thôi”. Cả ba tiếp tục đi trên đường Y hướng về đường A, khi đến ngã tư đường Y – Z. Cả ba quay đầu xe chạy về hướng ngược chiều, K nhìn thấy chị P vẫn đang sử dụng điện thoại di động nên dùng tay trái chỉ về hướng chị P, nói với N và N1 “Bà đó cầm máy kìa”. N liền điều khiển xe máy chạy lên vỉa hè hướng cùng chiều, áp sát từ phía sau bên phải chị P, K điều khiển xe chạy dưới lòng đường cùng chiều với Nghị, Nguyên. Khi N chạy đến gần chị P, N1 chồm người dùng tay trái giật được chiếc điện thoại di động của chị P, N tăng ga bỏ chạy thoát về hướng đường Y – T, K tăng ga chạy theo sau. Trên đường đi, N1 gọi điện cho K hẹn gặp lại tại hẻm số 536 đường B, Phường A1, quận B. Khi đến trước địa chỉ số 536/24 đường B, Phường A1, quận B, N1 đưa chiếc điện thoại di động vừa giật được cho K giữ rồi cả ba đi về.

Đến khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, tại trước địa chỉ số 32/17 đường C, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ tuần tra Đội cảnh sát hình sự Công an Quận 11 phát hiện K có dấu hiệu nghi vấn nên tiến hành kiểm tra và mời về trụ sở Công an Phường 14, Quận 11 làm việc. K khai nhận hành vi cùng Nghị, Nguyên cướp giật điện thoại di động như trên và giao nộp chiếc điện thoại vừa cướp giật được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 tiến hành truy xét và mời N1 làm việc, riêng N không có mặt tại địa phương. Ngày 16/9/2019, cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 bàn giao K và Nguyên cùng tang vật cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 23/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 thông báo bắt giữ Ngô Chí N cùng Nguyễn Hữu P trong vụ án “Cướp giật tài sản” xảy ra tại địa bàn Quận M vào ngày 07/10/2019 và phối hợp cùng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra, Ngô Chí N, Liễu Hà Hỷ N1 và Võ Thành K thừa nhận toàn bộ hành vi cùng nhau sử dụng xe máy cướp giật điện thoại di động của chị Đỗ Thị P như nêu trên. Cả ba không bàn bạc, phân công vai trò cụ thể của từng người. Lời khai của N, N1, K phù hợp với lời khai của chị P. Trích xuất dữ liệu camera tại hiện trường ghi nhận hình ảnh N điều khiển xe máy chở N1 cướp điện thoại di động của chị P và K điều khiển xe máy chạy theo sau, phù hợp với lời khai N, N1, K và chị P.

N1, K, N nhận dạng đúng lẫn nhau. Kết quả thực nghiệm điều tra, Nguyên và K diễn lại hành vi cướp giật tài sản phù hợp với lời khai của N, N1, K.

Ngoài ra, quá trình điều tra, xác định Ngô Chí N và bạn của N là Nguyễn Hữu P, Liễu Hà Hỷ N1 và bạn của N1 là Châu Trần T thực hiện thêm các vụ cướp giật tài sản khác như sau:

1. Vụ thứ nhất: Ngô Chí N cùng Nguyễn Hữu P thực hiện vụ cướp giật tài sản tại địa bàn Quận M vào ngày 07/10/2019, cụ thể:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 07/10/2019, Ngô Chí N điều khiển xe máy biển số 59D2-763.79 chở Nguyễn Hữu P cướp giật được 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A7 của bà Lương Như T tại trước số 287/28 đường K, Phường L1, Quận M. Ngày 09/10/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 truy xét, bắt giữ N và P về hành vi trên. Ngày 06/5/2020, Tòa án Nhân dân Quận 11 xử phạt Nghị 02 năm 03 tháng tù và xử phạt Phước 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 24/2020/HS-ST, bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Vụ thứ hai: Ngô Chí N cùng Nguyễn Hữu P thực hiện vụ cướp giật tài sản tại trước nhà số 554 đường Z Phường A1, quận B vào ngày 08/10/2019, cụ thể:

Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 07/10/2019, N điều khiển xe máy biển số 59D2-763.79 đến nhà Phước tại số 80/21 đường X, phường C, quận D cùng nhau đi ăn uống. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08/10/2019, trên đường về đến ngã tư đường A – X, P nhìn về phía trước cùng chiều thấy chị Nguyễn Thị N điều khiển xe máy và trên tay trái đang sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung A70. P nảy sinh ý định cướp giật nên chỉ tay về phía bà N, nói “điện thoại kia”. N hiểu và đồng ý. N chở P chạy theo sau đến trước số 554 đường X, Phường A1, quận B thì áp sát xe máy từ phía sau bên trái chị N cho P dùng tay phải giật được chiếc điện thoại di động trên tay của chị N làm chị N bị ngã xe, N tăng ga xe bỏ chạy thoát. Khi về đến nhà của P, P đưa điện thoại di động vừa cướp giật được cho Nghị bán. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, N đến cửa hàng điện thoại N tại số 1567 đường T, Phường L2, Quận M bán chiếc điện thoại cho chị Trương Hoàng Thanh

T1 với giá 4.000.000 đồng. N chia cho P 2.000.000 đồng, P chỉ nhận 500.000 đồng và nhờ N giữ 1.500.000 đồng còn lại, P tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Quá trình điều tra, N và P thừa nhận toàn bộ hành vi cướp giật điện thoại di động của bà Nguyễn Thị N như nêu trên. Khi bán điện thoại cho chị Trương Hoàng Thanh T1, N không nói cho chị T1 biết chiếc điện thoại là tài sản do N cướp giật mà có. Lời khai của N, P phù hợp với lời khai của chị N, chị T1.

N và P nhận dạng đúng lẫn nhau. Kết quả thực nghiệm điều tra, N và P diễn lại hành vi cướp giật tài sản phù hợp với lời khai của N, P và bà N.

Đối với chị Trương Hoàng Thanh T1 khi mua điện thoại của N thì không biết chiếc điện thoại trên là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở xác định T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. T1 tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra và yêu cầu được bồi thường lại số tiền 4.000.000 đồng.

3. Vụ thứ ba: Liễu Hà Hỷ N1 và Châu Trần T thực hiện vụ cướp giật tài sản tại trước địa chỉ số 5-6 Lô B đường Z, Phường A1, quận B vào ngày 08/10/2017, cụ thể:

Vào khoảng 05 giờ 00 phút ngày 08/10/2017, Liễu Hà Hỷ N1 gọi điện cho Châu Trần T đến tiệm game bắn cá trên đường X, Phường A1, quận B đón N1 về nhà. T điều khiển xe máy biển số 59P1-612.90 đến đón N1. Trên đường về, Nguyên nảy sinh ý định cướp giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài nên hỏi T “Đi làm không?”. T hiểu và đồng ý. Cả hai đi qua nhiều tuyến đường tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Trên đường đi, T và N1 nhìn thấy bạn quen biết là Nguyễn Thanh L điều khiển xe máy biển số 59D1-785.97 chở 01 thanh niên tên T2 không xác định lai lịch chạy theo sau xe của T và N1. Khi đến đường Z, Phường A1, quận B, N1 nhìn qua hướng ngược chiều thấy anh Đoàn Quang T đang đi bộ trên đường, trên tay có sử dụng điện thoại di động. N1 nói “Thấy người đó không?”. T hiểu ý của Nguyên là giật chiếc điện thoại di động của ông Trung nên điều khiển xe máy vòng lại hướng cùng chiều, áp sát từ phía sau bên trái anh T cho N1 chồm người qua, dùng tay phải giật được chiếc điện thoại di động của ông Trung. Sau đó, T tăng ga bỏ chạy. Anh T chạy theo, dùng 02 tay nắm vào tay của N1 và nắm vào đuôi xe máy của T làm T và N1 ngã xe. Anh T dùng tay giành lại được chiếc điện thoại di động trên tay của N1 và tri hô, được người dân hỗ trợ vây bắt. Lúc này, L chạy phía sau nhìn thấy N bị người dân bắt giữ nên chạy đến gần, T2 xuống xe đứng nhìn. Lợi dụng sơ hở khi bị người dân bắt giữ, N1 đứng dậy bỏ chạy bộ thoát, T2 cũng bỏ chạy bộ theo N1, còn T và L bị người dân bắt giữ, bàn giao cùng tang vật cho Công an Phường A1, quận B.

Quá trình điều tra, Liễu Hà Hỷ N1 và Châu Trần T thừa nhận toàn bộ hành vi cùng nhau sử dụng xe máy cướp giật điện thoại di động hiệu HTC One ME của anh Đoàn Quang T tại trước địa chỉ số 5-6 Lô B đường Z, Phường A1, quận B vào ngày 08/10/2017 như nêu trên. Cả hai không bàn bạc, phân công vai trò từng người, không thỏa thuận việc bán điện thoại cướp giật được và chia tiền. Khi gặp L và T2 trên đường đi cướp giật tài sản, T và N1 không rủ L và T2 tham gia cướp giật. Lời khai của T, N1 phù hợp với lời khai của L và anh T.

T và N1 nhận dạng đúng lẫn nhau. L nhận dạng đúng Nguyên là người cướp giật tài sản. Kết quả thực nghiệm điều tra, T và N1 diễn lại hành vi cướp giật tài sản phù hợp với lời khai của T, N1 và anh T.

Đối với Nguyễn Thanh L và T2 (không xác định lai lịch), khi gặp nhau trên đường L nhìn thấy N1 dùng tay ra hiệu cho L chạy theo sau nhưng L không biết việc T, N1 đi cướp giật tài sản. Khi nhìn thấy T, N1 đi cướp giật tài sản và bị bắt giữ, L chạy xe chở T2 đến nhìn, không tham gia hỗ trợ T và N1. Ngoài ra, T, N1 không khai rủ L, T2 tham gia cướp giật, N cũng không dùng tay ra hiệu cho Luân chạy theo sau. Do đó, không có cơ sở xác định L, T2 là đồng phạm với T và N1. Ngoài ra L khai nhận cùng N1 thực hiện một số vụ cướp giật tài sản khác trước đây, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 7 đến tháng 8 năm 2017, Luân điều khiển xe máy hiệu Wave không rõ biển số chở N1 cướp giật 01 chiếc điện thoại di động của 01 người đi đường tại trước số 618/34 đường Z, Phường A1, quận B nhưng không giật được. Kết quả xác minh tại Công an Phường A1, quận B từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 8 năm 2017 không có bị hại trình báo.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng tháng 9 năm 2017, L điều khiển xe máy hiệu Wave không rõ biển số chở N1 cướp giật 01 chiếc điện thoại di động của 01 người đi đường tại trước số 107/107 T, Phường A1, quận B, bị truy đuổi nên N1 vút lại điện thoại trên. Kết quả xác minh tại Công an Phường A1, quận B từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017 không có bị hại trình báo.

Do không xác định được bị hại và tài sản bị chiếm đoạt nên không có cơ sở xác định hành vi cấu thành tội phạm của L và N1.

Vật chứng thu giữ:

- 02 USB chứa dữ liệu camera vụ cướp giật tài sản của các bị can (lưu hồ sơ vụ án).

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 6S Plus 32GB màu vàng, trị giá 4.000.000 đồng là tài sản các bị can Ngô Chí N, Liễu Hà Hỷ N1 và Châu Trần T chiếm đoạt của chị Đỗ Thị P vào ngày 15/9/2019; đã thu hồi trả lại cho chị P, chị P đã nhận lại tài sản, không thắc mắc, khiếu nại gì.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A70 128GB màu trắng, trị giá 7.000.000 đồng, là tài sản các bị can Ngô Chí N và Nguyễn Hữu P chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị N vào ngày 08/10/2019. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình chưa giao trả cho chị N do chưa mời làm việc được.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu HTC One ME màu đồng, trị giá 4.000.000 đồng, là tài sản các bị can Liễu Hà Hỷ N1 và Châu Trần T chiếm đoạt của anh Đoàn Quang T vào ngày 08/10/2017; đã thu hồi trả lại cho anh T, anh T đã nhận lại tài sản, không thắc mắc, khiếu nại gì.

- Thu giữ của Ngô Chí N: 4.000.000 đồng, trong đó số tiền 3.500.000 đồng là tiền N bán điện thoại di động cướp giật được, 500.000 đồng là tiền cá nhân của N không liên quan vụ án.

- Thu giữ của Liễu Hà Hỷ N1:

+ 01 xe máy biển số 59S2-344.91 là phương tiện N1 đưa cho N điều khiển để cướp giật tài sản. N1 khai mượn xe máy của người bạn tên P không xác định lai lịch và không nói cho P biết việc sử dụng xe máy để cướp giật tài sản. Qua giám định, chiếc xe trên có số khung, số máy không đổi. Xác minh chủ sở hữu xe là bà Nguyễn Thanh T. Tháng 3 năm 2019, bà T bán xe máy cho ông Đỗ Minh M, có hợp đồng ủy quyền cho ông M bán lại xe. Ngày 10/9/2019, ông M cho người tên P không xác định lai lịch mượn xe để đi gặp bạn, ông M không biết việc xe máy trên được sử dụng để cướp giật tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình tiến hành giao trả xe máy cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Đỗ Minh M, ông Minh nhận lại tài sản, không thắc mắc khiếu nại.

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 6 Plus màu bạc, N1 sử dụng để gọi điện cho K hẹn gặp đưa điện thoại di động cướp giật được cho K. Nguồn gốc chiếc điện thoại là do N1 mượn của em ruột là Liễu Hà Hỷ H để liên lạc cá nhân, H không biết việc N1 sử dụng điện thoại để cướp giật tài sản.

+ Số tiền 3.700.000 đồng, N1 khai đây là của em ruột Liễu Hà Hỷ H đưa cho giữ giùm để đóng tiền phòng trọ.

- Thu giữ của Võ Thành K:

+ 01 áo thun ngắn tay, 01 quần short, là bộ quần áo K mặc khi cướp giật tài sản, nhập kho vật chứng.

+ 01 xe máy hiệu Wave Alpha biển số 51M2-0023, là phương tiện phạm tội. K khai mượn của anh Võ Văn T thông qua người bạn tên P không xác định lai lịch. Qua giám định, chiếc xe trên có số khung, số máy không đổi. Xác minh chủ sở hữu xe là ông Võ Văn M1, từ tháng 9 năm 2019 ông M1 giao xe máy cho con ruột là Võ Tấn T sử dụng. Ngày 03/9/2019, T đưa xe máy cho người bạn tên P không xác định lai lịch mượn. Ngày 18/9/2019, T liên hệ P lấy lại xe nhưng P nói đã cho người khác mượn, T không biết việc chiếc xe trên được sử dụng để cướp giật tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình tiến hành giao trả xe máy cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Võ Văn M1, ông M1 nhận lại tài sản, không thắc mắc, khiếu nại.

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280, K sử dụng khi N1 gọi điện hẹn gặp đưa điện thoại di động cướp giật cho K, nhập kho vật chứng.

- Thu giữ của Châu Trần T:

+ 01 áo khoác màu đen có 02 sọc trắng trên 02 ống tay, Thành mặc khi cướp giật tài sản.

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, là tài sản cá nhân của T, không liên quan vụ án.

+ 01 xe máy biển số 59P1-612.90, là phương tiện phạm tội do T mượn của mẹ ruột là bà Tăng Thị Thu H.

Qua giám định, số khung, số máy của chiếc xe trên không thay đổi. Xác minh chủ sở hữu xe là bà Tăng Thị Thu H. Ngày 08/10/2017, bà H cho T mượn xe

đề đi lại, không biết việc T sử dụng xe để cướp giật tài sản, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình giao trả xe cho bà H, bà H không thắc mắc, khiếu nại.

- Thu giữ của Nguyễn Thanh L:

+ 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh đen, là tài sản cá nhân của L, không liên quan vụ án.

+ 01 xe máy biển số 59D1-785.97, là xe máy L mượn của ông Quan Quốc H làm phương tiện đi lại, không liên quan vụ án. Qua giám định, số khung, số máy của chiếc xe trên không thay đổi. Xác minh chủ sở hữu xe là ông Quan Quốc H, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình giao trả xe cho ông H.

Tại bản cáo trạng số 144/CT-VKS ngày 29 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố các bị cáo Ngô Chí N, Liễu Hà Hỷ N1, Nguyễn Hữu P và Châu Trần T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Võ Thành K về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, bị cáo N1 từ 04 năm đến 05 năm tù, bị cáo T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù, bị cáo K từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không có tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư Thủy bào chữa cho bị cáo N: không tranh luận gì về tội danh, điểm, khoản, điều luật truy tố bị cáo; chỉ nêu các tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi và trả cho người bị hại, phạm tội khi còn ở độ tuổi chưa thành niên, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai nhận hành vi phạm tội trước đó ở Quận M, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự và cho bị cáo một mức án phù hợp.

Luật sư Thanh bào chữa cho bị cáo N1: thống nhất về tội danh và điều luật truy tố bị cáo; nêu ra các tình tiết cho Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi và trả cho người bị hại, phạm tội khi còn ở độ tuổi chưa thành niên, hành vi của bị cáo là phạm tội chưa đạt, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự và xem xét lượng hình cho bị cáo mức án nhẹ nhất có thể.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Ngô Chí N, Liễu Hà Hỷ N1, Nguyễn Hữu P, Châu Trần T và Võ Thành K, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phân xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, luật sư, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận:

- Bị cáo Ngô Chí N đã có hành vi điều khiển xe gắn máy chở bị cáo Liễu Hà Hỷ N1 ngồi sau rồi áp sát công khai giật lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6plus trị giá 4.000.000 đồng của chị Đỗ Thị P vào ngày 15/9/2019, còn bị cáo Võ Thành K điều khiển xe phía sau để hỗ trợ khi có người truy đuổi, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, bị cáo K đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng, lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “Tái phạm nguy hiểm”; hành vi phạm tội của các bị cáo Ngô Chí N và Liễu Hà Hỷ N1 được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; hành vi phạm tội của bị cáo Võ Thành K được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

- Ngày 08/10/2019, bị cáo Ngô Chí N lại tiếp tục điều khiển xe gắn máy chở bị cáo Nguyễn Hữu P ngồi sau rồi áp sát công khai giật lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung A70 trị giá 7.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị N, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

- Trước đó vào ngày 08/10/2017, bị cáo Liễu Hà Hỷ N1 đã có hành vi điều khiển xe gắn máy chở bị cáo Châu Trần T ngồi phía sau rồi áp sát công khai giật lấy 01 điện thoại di động hiệu HTC One ME trị giá 4.000.000 đồng của anh Đoàn Quang T, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, các bị cáo N và Nguyên đã 02 lần thực hiện hành vi dùng xe gắn máy cướp giật tài sản của các bị hại với mỗi lần cướp giật tài sản đủ yếu tố cấu thành tội phạm, thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, là tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo Ngô Chí N đang phải chấp hành hình phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 24/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 Tòa án nhân dân Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh nên khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 104 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của Bản án số 24/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 Tòa án nhân dân Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh với bản án này.

Do bị cáo Nguyễn Hữu P đang phải chấp hành hình phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 24/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 Tòa án nhân dân Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh nên khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 1 Điều 56 để tổng hợp hình phạt của Bản án số 24/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 Tòa án nhân dân Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh với bản án này.

Do bị cáo Châu Trần T đang phải chấp hành hình phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 06/2019/HS-ST ngày 09/01/2019 Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh nên khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 1 Điều 56 để tổng hợp hình phạt của Bản án số 06/2019/HS-ST ngày 09/01/2019 Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh với bản án này.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất táo bạo, liều lĩnh ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác ngay trên đường phố nơi đông người và dùng thủ đoạn nguy hiểm là xe gắn máy phân khối lớn, là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện phạm tội, tiềm ẩn nguy cơ dễ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại và những người đang lưu thông trên đường. Xét về tính chất vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo đủ khả năng nhận thức hành vi cướp giật tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, chứng tỏ các bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: các bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại; các bị cáo Ngô Chí N và Liễu Hà Hỷ N1 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Ngô Chí N và Liễu Hà Hỷ N1 theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 91 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo Nguyễn Hữu P, Châu Trần T và Võ Thành K theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự dành cho bị cáo N, tình tiết “Phạm tội chưa đạt” của bị cáo N1 mà các luật sư nêu ra là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận; đối với các tình tiết còn lại và đề nghị của các luật sư là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Đỗ Thị P và anh Đoàn Quang T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại chị Nguyễn Thị N yêu cầu nhận lại chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A70 bị các bị cáo N và Phước chiếm đoạt, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị N là có cơ sở nên chấp nhận.

Bị cáo Ngô Chí N khai sau khi bán chiếc điện thoại hiệu Samsung A70 (cướp giật của chị Nguyễn Thị N) cho chị Trương Hoàng Thanh T1, N đã chia cho Phước 500.000 đồng, giữ lại 3.500.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Hoàng Thanh T1 không biết chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A70 do bị cáo N bán cho chị là do phạm tội mà có nên đã mua với giá 4.000.000 đồng. Chị đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan công an chiếc điện thoại và yêu cầu các bồi thường lại cho chị số tiền 4.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T1 là có cơ sở nên chấp nhận, buộc các bị cáo N và P bồi thường lại cho chị T1 số tiền 4.000.000 đồng, cụ thể bị cáo N phải bồi thường cho chị T1 số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo P phải bồi thường cho chị T1 số tiền 500.000 đồng.

[5] Về vật chứng vụ án:

- 02 USB chứa dữ liệu camera vụ cướp giật tài sản của các bị cáo (lưu kèm hồ sơ vụ án) là chứng cứ của vụ án và có thể lưu giữ trong hồ sơ vụ án nên cần lưu vào hồ sơ vụ án.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A70 128GB màu trắng, trị giá 7.000.000 đồng, là tài sản các bị can Ngô Chí N và Nguyễn Hữu P chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị N vào ngày 08/10/2019, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản hợp pháp của chị N nên cần trả lại cho chị N.

- 4.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Ngô Chí N. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo N khai trong đó gồm 3.500.000 đồng là tiền N bán điện thoại di động cướp giật của chị N mà có nên cần trả lại cho chị Trương Hoàng Thanh T1 (thực hiện trách nhiệm dân sự nêu ở trên), còn lại 500.000 đồng là tiền cá nhân của N không liên quan vụ án nên trả lại cho bị cáo.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu iPhone6 Plus màu bạc và số tiền 3.700.000 đồng thu giữ của bị cáo Liễu Hà Hỷ N1. Bị cáo khai điện thoại di động là bị cáo mượn của em trai Liễu Hà Hỷ H để liên lạc cá nhân, em H không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội; số tiền 3.700.000 đồng là của em Liễu Hà Hỷ H đưa cho giữ giùm để đóng tiền phòng trọ, phù hợp với lời khai của em H. Em H có yêu cầu nhận lại điện thoại và số tiền trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của em H là có cơ sở nên chấp nhận.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280 và 01 bộ quần áo thu giữ của Võ Thành K, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo dùng điện thoại vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, đối với 01 bộ quần áo là vật không có giá trị và bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu đen và 01 áo khoác màu đen thu giữ của bị cáo Châu Trần T, Hội đồng xét xử xét thấy điện thoại di động là

tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo, đối với 01 áo khoác màu đen là vật không có giá trị và bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh đen thu giữ của anh Nguyễn Thanh L, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản cá nhân của anh L, không liên quan vụ án nên trả lại cho anh L.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 và khoản 1 Điều 56, Điều 104 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Chí N;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Liễu Hà Hỷ N1;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Châu Trần T, Nguyễn Hữu P;

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Võ Thành K;

Căn cứ Điều 106; Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1] Tuyên bố các bị cáo Ngô Chí N, Liễu Hà Hỷ N1, Châu Trần T, Nguyễn Hữu P và Võ Thành K phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo: Ngô Chí N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 02 năm 03 tháng tù tại Bản án số 24/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 Tòa án nhân dân Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2019.

Xử phạt bị cáo: Liễu Hà Hỷ N1 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2020.

Xử phạt bị cáo: Châu Trần T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 03 năm tù tại Bản án số 06/2019/HS-ST ngày 09/01/2019 Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2018, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/10/2017 đến ngày 11/10/2017.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Hữu P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 03 năm tù tại Bản án số 24/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 Tòa án nhân dân Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2019.

Xử phạt bị cáo: Võ Thành K 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2020.

[2] Buộc bị cáo Nguyễn Hữu P bồi thường cho chị Trương Hoàng Thanh T1 số tiền 500.000 (năm trăm ngàn) đồng.

[3] Lưu vào hồ sơ vụ án 02 USB chứa dữ liệu camera vụ cướp giật tài sản của các bị cáo.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen, số imei: 353408046801542.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 áo khoác màu đen, 01 áo thun trắng ngắn tay và 01 quần short ngắn màu xanh dương

Trả lại cho chị Nguyễn Thị N 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, số imei: 355080/10/107471/7.

Trả lại cho chị Trương Hoàng Thanh T1 số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đồng.

Trả lại cho em Liễu Hà Hỷ H 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus màu bạc, số imei: 354393063414164 và số tiền 3.700.000 (ba triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Trả lại cho bị cáo Ngô Chí N số tiền 500.000 (năm trăm ngàn) đồng.

Trả lại cho bị cáo Châu Trần T 01 điện thoại di động hiệu Samsung SMG360H màu đen, số imei 1: 357932/06/121587/0, số imei 2: 357933/06/121587/8, kính màn hình đã bị bể nứt màu đen, không có pin.

Trả lại cho anh Nguyễn Thanh L 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh đen, số imei 1: 358210062636157, số imei 2: 358210062636165.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 132/PNK ngày 11/7/2019, 50/PNK ngày 25/3/2020 và 53/PNK ngày 30/3/2020 của Công an quận Tân Bình).

[3] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hữu P phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

[4] Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, luật sư, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo, bị hại;
- Người ĐDHP, luật sư;
- Người có QL, NV liên quan;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***(đã ký)***Ngô Đức Thụ**